

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/DS-PT
Ngày 17 - 3 - 2021
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quốc Hương

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Chiến và bà Phạm Thị Thông

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Huế là Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa:
Ông Trần Mạnh Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 73/2020/TLPT-DS ngày 09 tháng 11 năm 2020 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 59/2020/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 84/2020/QĐ-PT ngày 22 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

1.1 Nguyên đơn: Ông Vũ Đình Đ - có mặt; địa chỉ: Thôn 02, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông.

1.2 Bị đơn: Ông Trịnh Văn T - vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt, Nguyễn Thị P - có mặt; cùng địa chỉ: Thôn 5, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

1.3 Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Đình Thị H - có mặt; địa chỉ: Thôn 02, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông.

- Người kháng cáo: bị đơn bà Nguyễn Thị P

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04-5-2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Vũ Đình Đ trình bày:

Ngày 11-5-2018, bà Đào Thị K có dẫn ông Trịnh Văn T đến nhà ông Đ vay tiền, ông T đã vay số tiền 160.000.000đ (Một trăm sáu mươi triệu đồng) của vợ chồng ông Vũ Đình Đ, bà Đình Thị H. Hai bên thỏa thuận lãi suất 2%/tháng, hạn trả nợ ngày 11-12-2018. Để đảm bảo khoản vay ông T đưa 02 GCNQSD đất

cho ông Đ. Khi đến thời hạn trả nợ vợ chồng ông T cố tình không trả và còn thách thức. Do đó, ông Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trịnh Văn T, bà Nguyễn Thị P phải thanh toán số tiền gốc: 160.000.000 đồng, tiền lãi 73.600.000 đồng (từ ngày 11-5-2018 đến 11-4-2020 là 23 tháng). Tổng cộng: 233.600.00 đồng.

Ngày 20-8-2020, ông T và bà P đã trả số tiền gốc 50.000.000đồng, tiền lãi 13.600.000 đồng nên ông Đ rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền này. Ngày 01-9-2020, các bên thỏa thuận hòa giải với nhau về việc trả số tiền gốc và lãi còn lại nhưng sau đó bà P thay đổi ý kiến nên biên bản hòa giải không thực hiện được. Do đó, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc là 110.000.000 đồng, lãi là 60.000.000 đồng. Tổng cộng là: 170.000.000 đồng.

Bị đơn ông Trịnh Văn T, bà Nguyễn Thị P trình bày: ông bà thừa nhận số nợ đối với số tiền gốc và lãi là 170.000.000 đồng. Tuy nhiên, hiện nay vì điều kiện kinh tế khó khăn nên xin ông Đ không trả số tiền lãi, trường hợp ông Đ không đồng ý thì đề nghị tính lãi theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đinh Thị H trình bày: số tiền ông Đ cho vợ chồng ông T, bà P vay là tiền chung của vợ chồng ông bà. Nay phía bị đơn không chịu trả số tiền đã vay thì bà thống nhất ý kiến với ông Đ yêu cầu ông T, bà P phải trả số tiền 170.000.000 đồng.

Người làm chứng ông Dương Văn T trình bày: ngày tháng năm ông không nhớ, ông T có nhờ ông chở đến nhà ông Đ để vay tiền, ông có chứng kiến việc ông Đ đưa cho ông T vay 160.000.000đ và ông T giao 02 GCNQSD đất để làm tin, lãi suất 2%/tháng, thời hạn trả ông T không biết. Ông Đ có nhờ ông T làm chứng và ông xác nhận chữ ký trong giấy biên nhận vay tiền là 11-5-2018 là chữ ký của ông T. Còn việc trả nợ như thế nào ông không biết.

Người làm chứng bà Đào Thị K trình bày: ngày tháng năm bà không nhớ, bà có bán cho ông T và ông T một miếng đất rẫy, ông T còn nợ lại bà một số tiền nhưng không có trả nên bà giới thiệu chỗ vay tiền cho ông T. Bà có dẫn ông T đến nhà ông Đ vay tiền, hai bên thỏa thuận vay tiền với nhau bà không biết, bà chỉ ký với tư cách người làm chứng, bà thấy trong giấy vay là 160.000.000 đồng, ông T đưa ông Đ 02 bìa đỏ. Hôm sau thì ông T chở ông T đến trả nợ cho bà.

Bản án số: 59/2020/DS-ST ngày 28-9-2020 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 244, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 288, Điều 357, Điều 466, khoản 1 Điều 468, Điều 670 của Bộ luật dân sự;

Điều 37 cả Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Trịnh Văn T và bà Nguyễn Thị P phải thanh toán cho ông Vũ Đình Đ và bà Đình Thị H số tiền 170.000.000 đồng; trong đó nợ gốc 110.000.000 đồng; nợ lãi 60.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Đình chỉ xét xử đối với số tiền 63.600.000 đồng, trong đó: 50.000.000 đồng nợ gốc và 13.600.000 đồng nợ lãi theo yêu cầu khởi kiện ban đầu của nguyên đơn.

Kiến nghị UBND huyện Đ thu hồi GCNQSD đất số M 806330 và M 806329 cấp ngày 20-8-1998 cho hộ ông Trịnh Văn T để xử lý theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 08-10-2020, bị đơn bà Nguyễn Thị P kháng cáo yêu cầu hủy toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đ, đình chỉ xét xử và trả lại đơn khởi kiện cho ông Đ vì chưa phát sinh quyền và nghĩa vụ trả nợ; Buộc ông Vũ Đình Đ phải trả lại 02 GCNQSD đất số M 806330 và M 806329 cấp ngày 20-8-1998 cho hộ ông Trịnh Văn T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu:

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ có trong hồ sơ, kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị P, giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 59/2020/DS-ST ngày 28-9-2020 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thời hạn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị P nộp trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định.

[2] Xét về nội dung yêu cầu kháng cáo của bà P:

- Về hợp đồng vay tiền: Bị đơn thừa nhận nội dung trong giấy biên nhận vay tiền ngày 11-5-2018 chữ ký của ông T vay ông Đ số tiền 160.000.000đ là đúng, số tiền lãi là 2%/tháng, thời hạn trả nợ là ngày 11-12-2018. Lý do ông T,

bà P không trả được nợ cho ông Đ vì điều kiện kinh tế khó khăn nên xin không trả số tiền lãi. Như vậy, đến thời hạn trả nợ mà ông T không trả là vi phạm nghĩa vụ trả nợ quy định tại khoản 1 Điều 351 của Bộ luật dân sự.

- Về nội dung kháng cáo với lý do nguyên đơn yêu cầu Tòa án chuyển hồ sơ sang cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện T nhưng Tòa án không yêu cầu nguyên đơn rút đơn và đình chỉ vụ án là vi phạm thủ tục tố tụng, xét thấy: việc nguyên đơn có đơn yêu cầu gửi sang cơ quan điều tra, Tòa án cấp sơ thẩm gửi công văn xác minh, sau đó cơ quan điều tra kết luận không có dấu hiệu để khởi tố vụ án hình sự. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm vẫn giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, không ảnh hưởng đến trình tự giải quyết vụ án, ông Đ không rút đơn khởi kiện hoặc thuộc các trường hợp đình chỉ giải quyết vụ án quy định tại Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử xét thấy nội dung kháng cáo này của bà P không có căn cứ chấp nhận.

- Bà P cho rằng ngày 20-8-2020, tại Công an huyện T giữa ông Đ và bà P đã thống nhất thỏa thuận miệng về hướng trả nợ, bà P xin không trả lãi vì gia đình quá khó khăn, còn gốc thì trả dần, ông Đ đồng ý và viết giấy biên nhận tiền các bên ký tên, đây là ý chí thống nhất lại việc giao dịch vay tiền bổ sung cho giấy vay tiền ngày 11-5-2018. Xét thấy, bà P đã thanh toán cho ông Đ 50 triệu đồng và ông Đ đã rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu khởi kiện ban đầu, chỉ yêu cầu bà P, ông T thanh toán số tiền nợ gốc và lãi còn lại là 170 triệu đồng. Việc rút yêu cầu đối với số tiền 50 triệu đồng là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật nên Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này là đúng quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật dân sự. Vì vậy, lý do bà P kháng cáo cho rằng ngày 20-8-2020 trả số tiền 50 triệu đồng thì tính lại thời điểm thực hiện hợp đồng ngày 11-5-2018 là không có căn cứ. Bà P cho rằng, Tòa án cấp sơ thẩm vẫn tiến hành hòa giải là vi phạm tố tụng, xét thấy: Việc thỏa thuận, hòa giải giữa các bên đương sự được pháp luật quy định nếu không vi phạm điều cấm, đạo đức xã hội thì được công nhận. Tuy nhiên, nguyên đơn không đồng ý thỏa thuận với bị đơn, vẫn tiếp tục yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án nên Tòa án tiến hành hòa giải theo đúng quy định của BLTTDS, giấy biên nhận tiền ngày 20-8-2020, không thỏa thuận về thời hạn trả nợ thì đương nhiên thời hạn trả nợ vẫn theo giấy vay tiền ngày 11-5-2018 và thời hạn trả nợ là ngày 11-12-2018. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm hòa giải là đúng quy định, bà P đưa ra lý do ông bà chưa có nghĩa vụ trả nợ cho ông Đ là không có căn cứ.

[3] Bà P kháng cáo yêu cầu buộc ông Đ trả lại 02 GCNQSD đất ông Đ đang giữ của bà P, ông T, Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự không ai có yêu cầu giải quyết đối với 02 GCNQSD đất. Trong quá trình giải quyết Tòa án cấp sơ thẩm đã xác minh năm 2003, bị đơn đã kê

khai làm GCNQSD đất khác. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện Đăk Song thu hồi GCNQSD đất số M806330 và M 806329 cấp ngày 20-8-1998 cho hộ ông Trịnh Văn Tuy.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Nông là có căn cứ, đúng pháp luật

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử xét thấy, kháng cáo của bà P là không có căn cứ để chấp nhận, cần giữ nguyên bản án số 59/2020/DS-ST ngày 28-9-2020 của Tòa án nhân dân huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị P, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 59/2020/DS-ST ngày 28-9-2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 244, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 288, Điều 357, Điều 466, khoản 1 Điều 468, Điều 670 của Bộ luật dân sự; Điều 37 cả Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016

1.1 Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vũ Đình Đ

Buộc ông Trịnh Văn T và bà Nguyễn Thị P phải thanh toán cho ông Vũ Đình Đ và bà Đình Thị H số tiền 170.000.000 đồng; trong đó nợ gốc 110.000.000 đồng; nợ lãi 60.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Đình chỉ xét xử đối với số tiền 63.600.000 đồng, trong đó: 50.000.000 đồng nợ gốc và 13.600.000 đồng nợ lãi theo yêu cầu khởi kiện ban đầu của nguyên đơn.

Kiến nghị UBND huyện Đ thu hồi GCNQSD đất số M 806330 và M 806329 cấp ngày 20-8-1998 cho hộ ông Trịnh Văn T để xử lý theo quy định của pháp luật.

1.2 Về án phí sơ thẩm: Ông Trịnh Văn T và bà Nguyễn Thị P phải chịu 8.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho ông Vũ Đình Đ số tiền 5.840.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001648 ngày 11-5-2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị P phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí phúc thẩm được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) bà P đã nộp theo biên lai số 0001881 ngày 12-10-2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b, và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Tp. H;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND huyện Đắk Song;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: Tổ HCTP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Lê Quốc Hương